

Số: 414/TTYT-KD

V/v: Yêu cầu báo giá

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 10 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp trên thị trường

Trung tâm Y tế Sông Công có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm: Mua sắm trang thiết bị Y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh cho Trung tâm Y tế Sông Công, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Sông Công

Địa chỉ: số 370 đường cách mạng tháng 8 - phường Sông Công - tỉnh Thái Nguyên

2. Thông tin liên hệ của người, đơn vị, phòng ban chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ông: Trần Thanh Bình – Khoa dược

- Số điện thoại: 02803761899/ 0988500117

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại địa chỉ: Trung tâm Y tế Sông Công - số 370 đường cách mạng tháng 8 - phường Sông Công - tỉnh Thái Nguyên

- Hoặc qua địa chỉ email: ttytsongcong@thainguyen.gov.vn

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Tối thiểu 10 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: 90 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp báo giá

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục

1.1. Danh mục:

Danh mục công việc yêu cầu thực hiện có Phụ biểu chi tiết kèm theo

1.2. Yêu cầu nhà thầu báo giá chi tiết

- Giá nhà thầu đưa ra là toàn bộ chi phí Thuế, nhân công, vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụngbàn giao cho người dùng.

2. Địa điểm cung cấp: Trung tâm Y tế Sông Công

- Số 370 đường cách mạng tháng 8 - phường Sông Công - tỉnh Thái Nguyên

3. Các thông tin khác:



- Đề nghị khi gửi báo giá Công ty gửi kèm Giấy phép đăng ký kinh doanh, catalog sản phẩm chào (nếu có).

Xin trân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT

**GIÁM ĐỐC**
Võ Tổ Linh



Phụ biểu chi tiết kèm theo

**DANH MỤC, CHỦNG LOẠI, SỐ LƯỢNG VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT
CỦA TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH**

(Kèm theo Công văn số: 414 / TTYT-KD ngày 31 tháng 10 năm 2025
của Trung tâm Y tế Sông Công)

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
1	Máy siêu âm tổng quát	Máy	01	Máy mới 100%, Năm sản xuất 2025 trở về sau
2	Máy xét nghiệm miễn dịch	Máy	01	Máy mới 100%, Năm sản xuất 2025 trở về sau

1. Máy siêu âm tổng quát

I. YÊU CẦU CHUNG

- Máy mới 100%,
- Năm sản xuất: Năm 2025 trở về sau
- Nhóm nước: OECD
- Chứng chỉ chất lượng: Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE
- Môi trường hoạt động:
 - + Nhiệt độ: 10 đến 35°C
 - + Độ ẩm: 30-75%
- Điện áp sử dụng: 200-240V, 50/60Hz

II. CẤU HÌNH CUNG CẤP

- Máy chính với màn hình màu $\geq 21,5''$: 01 bộ
- Cổng cắm đầu dò hoạt động ≥ 04 cổng
- Đầu dò convex: 01 cái
- Đầu dò linear: 01 cái
- Phần mềm siêu âm 3D/4D: 01 phần mềm
- Bộ máy tính, màn hình 01 bộ
- Máy in phun màu: 01 cái
- Bộ chuyển đổi kết nối với máy tính: 01 bộ
- Gel siêu âm ≥ 01 lọ
- Giấy in màu ≥ 01 tệp (100 tờ)
- Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ

III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT

1. Máy chính

1.1. Ứng dụng

Ứng dụng trong thăm khám: Bụng, Ruột thừa, Vú, Tim mạch, Nhi khoa, Phụ khoa, Cơ xương khớp, Sản khoa, Nhi khoa, Các bộ phận nhỏ, Tiết niệu, Mạch máu

1.2. Màn hình

- Màn hình Led backlit LCD kích thước $\geq 21,5$ inch, độ phân giải cao $\geq 1.920 \times 1.080$
- Màn hình hiển thị $\geq 16,2$ triệu màu
- Tỷ lệ tương phản: 1:1.000
- Tấm nền: IPS
- Có thể điều chỉnh độ sáng và độ tương phản
- Điều chỉnh màn hình:
 - + Xoay $\geq \pm 135^\circ$
 - + Nghiêng $\geq +30^\circ / -90^\circ$

1.3. Màn hình cảm ứng

- Màn hình Led backlit LCD kích thước ≥ 10.4 inch, độ phân giải $\geq 1.024 \times 768$
- Màn hình hiển thị $\geq 16,2$ triệu màu
- Có thể điều chỉnh độ sáng, độ tương phản

1.4. Bảng điều khiển

- Bàn phím chữ số có đèn nền
- 8 thanh điều chỉnh TGC
- 3 phím do người dùng tùy chỉnh
- 5 phím mềm (soft keys)
- 5 giá đỡ đầu dò với 2 giá đỡ có thể di chuyển

1.5. Khả năng lưu trữ

- Ổ cứng SSD ≥ 250 GB và HDD 1TB. 1TB ổ cứng dùng cho lưu trữ dữ liệu bệnh nhân
- Có khả năng lưu trữ đến $\geq 1.000.000$ hình (định dạng JPG).
- Định dạng hình ảnh: BMP, JPEG, DICOM, AVI, WMV
- Bộ nhớ thước phim khoảng 450MB, 28.800 khung hình
- Có thể điều chỉnh tốc độ phát cine: 50%-400%

2. Chế độ hình ảnh

- Chế độ 2D
- Chế độ M
- Chế độ M màu
- Chế độ Doppler màu dòng chảy (CF)
- Chế độ Doppler năng lượng (PD)

- Chế độ Doppler xung (PWD)
- Chế độ 3D/4D

3. Thông số hình ảnh

- Dải tần số: 1-20 MHz
- Số kênh xử lý: 786,432 kênh
- Chuyển đổi ADC: 12 bit
- Độ sâu hiển thị hình ảnh: 0-40 cm
- Khung hình tối đa:
 - + 2D: 1.605 (Hz/FPS)
 - + Màu: 274 (Hz/FPS)
- Thang xám: 256 mức
- Dải động: tối đa 250 dB
- Dòng quét tối đa: 1.638
- Tiêu cự:
 - + Số điểm tối đa: 8
 - + Vị trí tối đa: 20

3.1. Chế độ 2D

- Phủ màu: 0-25
- Dải động: 30-250 dB
- Điều chỉnh tần số: 5 bước
- Giảm nhiễu đốm: 0-5 mức
- Thang xám: 0-43
- Siêu âm chế độ hòa âm
- Độ khuếch đại: 0-100
- Công suất: 1-100%
- Giảm nhiễu: 1-10 mức

3.2. Chế độ M-mode

- Phủ màu: 0-25
- Dải động: 30-250 dB
- Thang xám: 0-43 loại
- Độ khuếch đại: 0-100
- Công suất
- Giảm nhiễu: 0-10 mức
- Tốc độ quét: 0-6 mức

3.3. Chế độ Doppler xung PW

- Góc: -89° - 89°
- Tự động chỉnh góc

- Đường cơ sở: -8 - 8
- Phủ màu: 0 - 22
- Dải động: 30 - 120 dB
- Điều chỉnh tần số: 3 bước
- Thang xám: 0 - 18 (Phụ thuộc vào đầu dò)
- Độ khuếch đại: 0 - 98
- Công suất âm: 1 - 100 %
- Giảm nhiễu: 0 - 10
- Tần số lặp lại xung (PRF):
+ PW: 0,3 - 20,1 KHz (Phụ thuộc vào đầu dò)
- Vận tốc đo:
+ PW: 2.1 cm/s - 17m/s
- Kích thước SV: 0,2 - 25,0 mm
- Tốc độ quét: 0 - 6
- Lọc thành: 0 - 9

3.4. Chế độ Doppler màu CF/ Doppler năng lượng PD

- Chính góc (Phụ thuộc vào đầu dò): 7 bước (-20 - 20°)
- Đường cơ sở: -100 - 100
- Bản đồ màu: 0 - 28 (CF), 0 - 8 (PD)
- Độ nhạy màu: 6 - 16
- Tần số: 3 bước
- Trạng thái dòng chảy: Thấp, Trung bình, Cao
- Độ khuếch đại: 0 - 100
- Mật độ dòng: 0 - 2
- Công suất âm: 1 - 100 %
- Tần số lặp lại xung (PRF): 0,3 - 10,4 KHz (Phụ thuộc vào đầu dò)
- Vận tốc đo: 2,1 cm/s - 3,99 m/s
- Làm mịn: 0 - 10
- Lọc thành: 0 - 7

3.5. Chế độ 3D/4D

- Chất lượng: Thấp, Trung bình, Cao (H1, H2)
- Góc quét:
+ Khô Convex: 10 - 120 độ
- Độ sáng: 1 - 100
- Độ tương phản: 1 - 100
- Làm mịn: 0 - 20
- Xóa nhiễu đốm 2D: 0 - 5
- Bản đồ màu

- + Thang xám: 0 - 30
- + Phủ màu 2D: 0 - 25
- + Bản đồ màu 3D: 1 – 18

4. Đầu dò

4.1. Đầu dò convex

Ứng dụng: Ổ bụng, Cấp cứu, Phụ khoa, Sản khoa.

- Dải tần: 1,0 đến 6,0 MHz
- Số chân tử ≥ 128
- Trường nhìn $\geq 60^\circ$

4.2. Đầu dò khối

- Ứng dụng: Ổ bụng, Sản khoa, Phụ khoa, Cấp cứu
- Dải tần: 1.0 – 6.0 MHz
- Số chân tử ≥ 128
- Trường nhìn ≥ 790

5. Đầu ra/Đầu vào

- Cổng USB 2.0 ≥ 4 cổng
- Cổng USB 3.0 ≥ 2 cổng
- Cổng Audio out
- Cổng HDMI
- Cổng Ethernet
- Cổng VGA
- Cổng S-VHS

2. Máy xét nghiệm miễn dịch

I. TỔNG QUAN

- Máy miễn dịch huỳnh quang sử dụng cho phòng xét nghiệm cung cấp chỉ số cho chẩn đoán chuyên môn
- Tốc độ: ≥ 200 test/giờ.
- Xét nghiệm đa kênh với ≥ 20 kênh, nhiều test cùng lúc

II. CẤU HÌNH CUNG CẤP:

- Máy chính kèm máy in nhiệt bên trong máy
- Băng chuyển chứa tối đa 20 khay thử ≥ 01 chiếc
- Thanh thử ≥ 20 thanh
- Khay thải đựng thanh thử sau khi chạy ≥ 01 chiếc
- Xét nghiệm T3 ≥ 25 kit
- Xét nghiệm T4 ≥ 25 kit

- Giấy in nhiệt ≥ 01 cuộn
- Bộ sách hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh + Tiếng Việt

III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT

- Tình trạng máy: Tình trạng Mới 100%
- Chất lượng: ISO 13485:2016
- *Môi trường làm việc:*
 - + *Nhiệt độ làm việc: 15~30%*
 - + *Độ ẩm tương đối: 20%~90%*
 - + *Áp suất không khí: 86 kPa~106 kPa*
 - + *Nguồn điện sử dụng: Nguồn vào: 230 VAC, 50Hz, 240 VA*
Nguồn ra: 120 VA
- Nguồn sáng kích thích: LED xanh
- *Bước sóng kích thích : 479 nm*
- *Bước sóng hấp thụ: 525 nm*
- *Đầu dò : Photodiode*
- Cổng giao tiếp: USB x 4, COM x 1, Ethernet x 1, VGA x 1
- *Công nghệ thanh thử: Hoá khô miễn dịch - gắn huỳnh quang phát hiện tác nhân đích có trong mẫu bệnh phẩm (Máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu...)*
- *Dạng mẫu thử (cartridge): Dạng khay, được mã vạch hoá thông số xét nghiệm chứa thông tin như: Tên xét nghiệm, số lô, hạn dùng hoá chất và autocalibration theo ID Chip.*
- *ID Chip: Chip mã hoá thông tin: tên xét nghiệm, số lô, hạn dùng cho từng LOT (Hộp hoá chất)*
- *Kết nối:*
 - + Cổng VGA ≥ 01 cổng
 - + Cổng USB ≥ 04 cổng
 - + Cổng Ethernet ≥ 01 cổng
 - + Cổng COM ≥ 01 cổng
- *Phần cứng:*
 - + 01 Bảng chuyển chứa tối đa 20 khay thử.
 - + 01 hệ thống quang huỳnh quang.
 - + 01 hệ thống cơ học xử lý các test thử.
 - + 01 hệ thống ủ để duy trì tất cả các thành phần ở nhiệt độ yêu cầu.
 - + 01 bộ xử lý trung tâm để điều khiển toàn bộ máy.

- + 01 màn hình cảm ứng LCD kích thước $\geq 10''$ và bàn phím ảo.
- + 01 máy in nhiệt tích hợp.
- + 01 máy quét để đọc thông tin được mã hóa từ khay thử.
- Các chỉ số xét nghiệm:
 - + Covid 19: test kháng nguyên và kháng thể
 - + Vitamin: Vitamin D
 - + Tiểu đường và thận: HbA1c, MAU, CysC, NGAL, β 2-MG
 - + Tuyến giáp: T3, T4, TSH, Ft3, Ft4
 - + Sản: β -HCG, LH, FSH, Prog, PRL, E2, Testosterone, AMH
 - + Tim mạch: cTn I, NT-proBNP, CK-MB
 - + Đông máu: D-Dimer, One step D-Dimer
 - + Nhiễm trùng: PCT, CRP (hsCRP+CRP), 2 in 1 (CRP+PCT), SAA, IL-6
 - + Ung thư: AFP, PSA, CEA, fPSA
 - + Khác: Cortisol, Ferritin, iFOB